

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2021/HNGĐ- ST**

Ngày : 05.8.2021

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Minh**

2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 194/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Văn S- Công ty Luật TNHH Pháp lý Việt chi nhánh Lâm Đồng- Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 56 Phạm Ngũ Lão, tổ 15, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà **Đoàn Thị Ngọc P**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị H là Trợ giúp viên pháp lý tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 31A đường Lê Hồng Phong, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Ông P, Luật sư Sơn, bà Hương có mặt, bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2020, bổ sung vào các ngày 18/7/2020, 12/10/2020, 16/5/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà Đoàn Thị Ngọc P chung sống với nhau từ năm 1979, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 21/9/1979. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển vào tỉnh Đồng Nai một thời gian, sau đó chuyển về xã L, huyện B sinh sống, có nhà ở ổn định, vợ chồng yêu thương nhau, sống hạnh phúc bình thường. Năm 2012 vợ chồng có mua thêm rẫy tại xã H, huyện D. Đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Ông P cho rằng bà P thường xuyên chửi bới, xúc phạm ông, đập phá đồ đạc trong nhà. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông và bà P đã ly thân từ năm 2015 đến nay, ông sinh sống tại xã H, huyện D, còn bà P sống tại xã Lộc An. Cả hai phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên ông P yêu cầu giải quyết ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông P trình bày vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1984 và Nguyễn Tấn D, sinh 1988. Nay yêu cầu giải quyết ly hôn, các con đã trên 18 tuổi, tự lao động được và đã lập gia đình ở riêng ổn định nên ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông P trình bày quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được các tài sản gồm có: Diện tích đất 3.509 m² và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 147-TBĐ 35, diện tích đất khoảng 2.000 m² chưa được cấp sổ đỏ tại xã Hòa Bắc, Di Linh, Lâm Đồng; thửa đất 630- TBĐ 30, diện tích 158 m² và tài sản gắn liền với đất tại thôn 6, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Ông P trình bày tự thỏa thuận về tài sản với bà P và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 16/5/2021 ông P khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản nhưng sau đó rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Ông P trình bày ông và bà P không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Luật sư Đinh Văn S thống nhất như lời trình bày của ông P, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông P và bà P được ly hôn.

Tại đơn phản tố ngày 18/10/2020, bổ sung ngày 22/4/2021, 12/5/2021 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P quen biết ông P được 02 năm thì đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 21/9/1979, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, hai bên gia đình đồng ý. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Huế, sau đó chuyển đi nhiều nơi và sau đó chuyển vào xã L, huyện B sinh sống đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Đến tháng 8/2015 vợ chồng sống ly thân đến nay. Lý do bà P cho rằng ông P đánh, đuổi bà ra khỏi nhà khi sống ở xã H, huyện D, bà ốm đau không quan tâm, chăm sóc. Bà về xã Lộc An sinh sống cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm chăm sóc nhau, ông P yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Bà P thừa nhận bà và ông P có 03 con chung là đúng gồm Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1984 và Nguyễn Tấn D, sinh năm 1988. Nay các con đã trưởng thành, tự lao động và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà P trình bày quá trình chung sống bà và ông P tạo lập được tài sản chung là nhà, đất diện tích khoảng 3.509 m² thuộc thửa 147- TBĐ 35, diện tích đất khoảng 2.000 m² chưa được cấp sổ đỏ tại xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Toàn bộ tài sản này ông P đang quản lý sử dụng. Bà yêu cầu chia đôi tài sản trên bằng hiện vật, mỗi người hưởng ½. Ngày 24/6/2021 bà P có đơn yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà P trình bày bà và ông P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H là trợ giúp viên pháp lý thống nhất như bà P trình bày, không bổ sung gì thêm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P và ông P được ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/3/2021 nhưng không được, ông P có mặt, bà P vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn, rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Luật sư S, bà H thống nhất như ý kiến của đương sự.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông P và bà P được ly hôn. Về con chung không xem xét giải quyết, về tài sản chung không xem xét giải quyết, về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông P (trên 60 tuổi) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn P và bà Đoàn Thị Ngọc P chung sống với nhau từ năm 1979, chung sống tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 21/9/1979.

Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, có cuộc sống ổn định, cùng nuôi dạy con cái đến khi trưởng thành. Tuy nhiên từ năm 2015 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Ông P, bà P đều thừa nhận có đánh đập chửi bới, xúc phạm nhau, mâu thuẫn kéo dài và ly thân từ đó đến nay, phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nên bà P đã từng làm đơn tại TAND huyện Di Linh để yêu cầu giải quyết ly hôn sau đó rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay ông P làm đơn ly hôn, cả ông P và bà P đều yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông P và bà P được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2.2} Về con chung: Căn cứ các giấy khai sinh ông P, bà P nộp cho Tòa án, cả hai ông bà cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1984 và Nguyễn Tấn D, sinh năm 1988. Nay các con đã trên 18 tuổi, tự lao động được, ông P và bà P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

{2.3} Về tài sản chung: Ông P, bà P trình bày có tài sản chung. Tuy nhiên cả ông P, bà P đều rút đơn yêu cầu chia tài sản chung, việc rút đơn là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

{2.4} Về nợ chung: Ông P, bà P thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí DSST cho ông Nguyễn Tấn P (trên 60 tuổi).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn P đối với bà Đoàn Thị Ngọc P về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Tấn P và bà Đoàn Thị Ngọc P được ly hôn.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn cho ông Nguyễn Tấn P (trên 60 tuổi).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

